

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 03-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
và thực hiện nghĩa vụ tài sản
do người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Thơm**.

2/ Ông **Nguyễn Văn Lâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST- DS ngày 03 tháng 01 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Đ.

Địa chỉ trụ sở:, phường X, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1. Ông **Nguyễn Thanh T** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Là đại diện theo pháp luật.

1.2. Ông **Hà Thái C** – Chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh Ngân hàng Đ – Chi nhánh Vĩnh Long – Phòng giao dịch Bình Minh - Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 21/QĐ-BMH ngày 27/02/2024). “có mặt”

2. Bị đơn:

1/ Bà **Lê Kim T**, sinh năm 1976. “có mặt”

2/ Cụ **Hồ Thị R**, sinh năm 1931. “vắng mặt”

3/ Anh **Huỳnh Thanh V**, sinh năm 1998. “vắng mặt”

4/ Anh **Huỳnh Thanh S**, sinh năm 2008. “vắng mặt”

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Hồ Thị R: Bà **Lê Thị T** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long. “có mặt”

Người đại diện hợp pháp của cụ Hồ Thị R: Bà **Lê Kim T**. Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 02/01/2025). “có mặt”

Người đại diện hợp pháp của anh Huỳnh Thanh S: Bà **Lê Kim T** – Là mẹ ruột của anh S. “có mặt”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Thanh B**, sinh năm 1971. “vắng mặt”

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 09/5/2023, đơn khởi kiện (bổ sung) ngày 05/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Đ trình bày: Giữa Ngân hàng Đ và ông Huỳnh Minh T, bà Lê Kim T có ký kết Hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0305/1219 ngày 25/4/2019, cụ thể như sau: Số tiền vay 300.000.000đ; Mục đích vay: Chăn nuôi heo, bò, cải tạo vườn bưởi đang cho trái; Thời hạn vay: 36 tháng; Phương thức trả nợ: Trả theo định kỳ. Tài sản đảm bảo khoản vay là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BL 587713, số vào sổ cấp GCN: CH03499 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 09/01/2014 cho ông Huỳnh Minh T đứng tên sử dụng. Tài sản bảo đảm tọa lạc tại: ấp Phú Xuân, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tài sản thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đến ngày 09/5/2023 ông T, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 127.043.259đ. Do ông T, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và ông T đã chết năm 2020. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Yêu cầu buộc bà T, hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm bà T, cụ R, anh V và anh S phải trả cho Ngân hàng Đ tính đến ngày 09/5/2023 tổng số tiền vốn, lãi là 300.160.439đ và lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 10/5/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo lãi suất quy định.

- Trong trường hợp bà Tuyên, cụ R, anh V, anh S không thực hiện hoặc thực

hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số K2016-19/TC ngày 25/4/2019 đã ký kết.

Ngân hàng thống nhất với Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Kim T trình bày: Bà thống nhất theo trình bày của đại diện Ngân hàng về việc ký kết hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, số tiền đã trả, số tiền còn nợ. Chồng bà là ông Huỳnh Minh T đã chết vào năm 2020, hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm cha ruột ông T là cụ Huỳnh Văn P đã chết năm 2015, mẹ ruột anh T là cụ Hồ Thị R, vợ là Lê Kim T và các con ruột của anh T là Huỳnh Thanh S, Huỳnh Thanh V, ngoài ra không còn ai khác. Bà đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tính đến ngày 09/5/2023, số tiền vốn: 225.000.000đ; lãi trong hạn: 19.333.932đ; lãi quá hạn: 55.826.507đ; tổng cộng vốn lãi còn nợ là 300.160.439đ. Trường hợp bà và cụ R, anh V, anh S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà, cụ R, anh V, anh S đồng ý giao tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K2016-19/TC ngày 25/4/2019 là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 8, diện tích 4.613,9m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Phú Xuân, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BL 587713, số vào sổ cấp GCN: CH03499 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Huỳnh Minh T ngày 09/01/2014 để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Bà thống nhất với Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá. Đối với các loại cây trồng trên phần đất mà bà thế chấp cho Ngân hàng là do ông Lê Thanh Bình trồng toàn bộ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Thanh V trình bày: Thống nhất với lời trình bày của mẹ ruột anh là bà Lê Kim T. Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì anh đồng ý toàn bộ. Đối với toàn bộ cây trồng trên phần đất thế chấp vay vốn Ngân hàng là do ông Lê Thanh B trồng.

Tại văn bản (Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ) ngày 07/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh B trình bày: Sau khi ông Huỳnh Minh T chết, ông có hỗ trợ và giúp đỡ anh Huỳnh Thanh V trồng cây trên phần đất ông T đã thế chấp cho Ngân hàng để cải thiện cuộc sống, có tiền để trả nợ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có lập hợp đồng cụ thể. Trường hợp Ngân hàng có yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thì ông đồng ý giao đất cho Ngân hàng, cho Thi hành án để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng, riêng phần cây trồng do ông trồng trên phần đất thế chấp thì ông đồng ý đôn bỏ, di dời không yêu cầu định giá và không yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện cho Ngân hàng yêu cầu cụ thể như sau:

1/ Yêu cầu bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V và anh Huỳnh Thanh S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 09/5/2023 tổng cộng là 300.160.439đ. Trong đó gồm: vốn gốc 225.000.000đ, lãi 75.160.439đ. Buộc bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V và anh Huỳnh Thanh S có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0305/1219 ngày 25/4/2019 kể từ ngày 10/5/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà T, cụ R, anh V và anh S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc bà T, cụ R, anh V và anh S có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng Hợp đồng thế chấp tài sản số: K2016-19/TC ngày 25/4/2019 để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bà Lê Kim T đồng thời là đại diện hợp pháp của cụ R, anh S trình bày: Đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng xin thời gian khi cây trái bán được sẽ trả vốn, lãi theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ R trình bày: Bà T đồng thời đại diện cho cụ R, anh S cũng đã thống nhất trả nợ cho Ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 09/5/2023 vốn, lãi tổng cộng là 300.160.439đ. Đồng thời bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung hạn số N.0305/1219 ngày 25/4/2019 kể từ ngày 10/5/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà T, cụ R, anh V và anh S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà T, cụ R, anh V và anh S đồng ý giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: K2016-19/TC ngày 25/4/2019 để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị xem xét miễn án phí cho cụ R do thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí.

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã được tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 212, các Điều 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 500, 502 Bộ luật Dân sự, Điều 166, 167 Luật Đất đai, Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, được sửa đổi, bổ sung 2017; các Điều 92, 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đ:

+ Buộc bà Lê Kim T và hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng cộng vốn, lãi còn nợ là 300.160.439đ. Trong đó, số tiền vốn còn nợ: 225.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 19.333.932đ; nợ lãi quá hạn: 55.826.507đ.

+ Trường hợp Lê Kim T và hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K2016-19/TC ngày 25/4/2019 là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 8, diện tích 4.613,9m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Phú Xuân, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BL 587713, số vào sổ cấp GCN: CH03499 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Huỳnh Minh T ngày 09/01/2014 để thi hành án thu hồi nợ.

+ Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà T, cụ R, anh V, anh S tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

- Chi phí tố tụng: Buộc bà T, cụ R, anh S, anh V liên đới chịu 440.000đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc bà T, cụ R, anh S, anh V chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.008.000đ (Trong đó mỗi người nộp 3,752,005đ). Tuy nhiên xét cụ R thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn toàn bộ phần án phí dân sự sơ thẩm cho cụ R theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Ngân hàng Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.504.000đ theo biên lai thu số 0010955 ngày 28/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn có địa chỉ cư trú ấp P, xã P1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trả lại số tiền còn nợ theo tín dụng trung hạn số: N.0305/1219 ngày 25/4/2019 cho Ngân hàng và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn anh Huỳnh Thanh V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/11/2024. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V, ông Bình.

[2] Về nội dung:

[2.1] Giữa Ngân hàng Đ và ông Huỳnh Minh T, bà Lê Kim T có ký kết Hợp đồng đồng tín dụng trung hạn số: N.0305/1219 ngày 25/4/2019 cụ thể như sau: Số tiền vay: 300.000.000đ, Lãi suất: 11%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Chăn nuôi heo, bò và cải tạo vườn bưởi đang cho trái; Biện pháp bảo đảm: Cho vay có tài sản bảo đảm; Phương thức trả nợ: Theo định kỳ. Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đến nay ông Huỳnh Minh T và bà Lê Kim T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là: 127,043,259đ. Qua nhiều lần xác minh và gặp trực tiếp bà T nhưng bà T không hợp tác với Ngân hàng để thanh toán gốc, lãi vay đúng hạn. Tính đến ngày 09/5/2023 ông T, bà T còn nợ tổng cộng vốn, lãi là 300,160,439đ. Nên xem hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng Đ và ông T, bà T là sự việc có thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận ông Huỳnh Minh T chết ngày 13/02/2020, hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm cha ruột là cụ Huỳnh Văn P (đã chết ngày 26/9/2015), mẹ ruột anh Tâm là cụ Hồ Thị R, vợ là Lê Kim T và các con ruột của anh Tâm là Huỳnh Thanh S, Huỳnh Thanh V, ngoài ra không còn ai khác; khi còn sống ông T có đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BL 587713, số vào sổ cấp GCN: CH03499 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Huỳnh Minh T ngày 09/01/2014 đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 8, diện tích 4.613,9m², địa chỉ thửa đất: ấp Phú Xuân, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; ông T chết không để lại di chúc. Đây là tình tiết, sự

kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự xác định ông Huỳnh Minh T đã chết ngày 13/02/2020, hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm bị đơn bà T, cụ R, anh V, anh S.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số: N.0305/1219 ngày 25/4/2019 tính đến ngày 09/5/2023 tổng cộng là 300.160.439đ (*Ba trăm triệu một trăm sáu mươi ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó gồm: vốn gốc 225.000.000đ, lãi 75.160.439đ. Đồng thời yêu cầu bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung hạn số: N.0305/1219 ngày 25/4/2019 kể từ ngày 10/5/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận. Bồi lẽ, giữa Ngân hàng và ông T, bà T có ký kết hợp đồng cụ thể, quy định rõ số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất, thời điểm trả hết nợ và phương thức trả nợ nhưng do ông T, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ và hiện ông T đã chết, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T và hàng thừa kế của ông T có nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số: N.0305/1219 ngày 25/4/2019 tính đến ngày 09/5/2023 tổng cộng là 300.160.439đ (*Ba trăm triệu một trăm sáu mươi ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó gồm: vốn gốc 225.000.000đ, lãi 75.160.439đ. Đồng thời buộc bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S có nghĩa vụ trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung hạn số: N.0305/1219 ngày 25/4/2019 kể từ ngày 10/5/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng là phù hợp theo quy định tại các Điều 117, 280, khoản 1 Điều 615, Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu đối với trường hợp bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: K2016-19/TC ngày 25/4/2019 để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Xét ông Lê Thanh B có hỗ trợ và giúp đỡ anh Huỳnh Thanh V trồng cây trên phần đất ông T đã thế chấp cho Ngân hàng để cải thiện cuộc sống, có tiền để trả nợ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có lập Hợp đồng cụ thể. Trường hợp Ngân hàng có yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thì ông B đồng ý giao đất cho Ngân hàng, Thi hành án để xử lý thu hồi nợ cho

Ngân hàng, riêng phần cây trồng do ông B trồng trên phần đất thế chấp thì ông B đồng ý đôn bỏ, di dời không yêu cầu định giá và không yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét ông T, bà T đứng ra ký kết hợp đồng thế chấp trên với Ngân hàng là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 212, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 500, 502 Bộ luật Dân sự, Điều 167 Luật Đất đai. Do bà T đã vi phạm Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp thỏa thuận giữa hai bên ghi nhận trong Hợp đồng thế chấp và đúng quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với trường hợp bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S và ông Lê Thanh B có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: K2016-19/TC ngày 25/4/2019 để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận và phù hợp theo quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 324 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tổng cộng 440.000đ (*Bốn trăm bốn mươi ngàn đồng*). Nguyên đơn Ngân hàng Đ đã nộp tạm ứng trước nên buộc bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S có nghĩa vụ nộp để hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Đ số tiền 440.000đ (*Bốn trăm bốn mươi ngàn đồng*) theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Buộc bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S có nghĩa vụ nộp 15.008.021đ (Trong đó mỗi người nộp 3.752.005đ). Tuy nhiên xét cụ R thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn toàn bộ phần án phí dân sự sơ thẩm cho cụ R theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng Đ không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận, nên hoàn trả cho Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.504.000đ (*Bảy triệu năm trăm*

lẻ bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010955 ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Hồ Thị R là có cơ sở chấp nhận như đã nhận định trên.

[2.7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 280, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 324, 463, 466, 500, 502 và khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14;

Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đ.

Buộc bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V và anh Huỳnh Thanh S (do bà Lê Kim T là đại diện hợp pháp) có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Đ số tiền vay còn nợ tính đến ngày 09/5/2023 tổng cộng vốn, lãi là 300.160.439đ (*Ba trăm triệu một trăm sáu mươi ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó gồm: vốn gốc 225.000.000đ, lãi 75.160.439đ. Buộc bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V và anh Huỳnh Thanh S (do bà Lê Kim T là đại diện hợp pháp) có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung hạn số: N.0305/1219 ngày 25/4/2019 kể từ ngày 10/5/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Đ.

Trường hợp bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V và anh Huỳnh Thanh S (do bà Lê Kim T là đại diện hợp pháp) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì buộc bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R,

anh Huỳnh Thanh V, anh Huỳnh Thanh S (do bà Lê Kim T là đại diện hợp pháp) và ông Lê Thanh B có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: K2016-19/TC ngày 25/4/2019 để Ngân hàng Đ yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 142, tờ bản đồ số 8, diện tích 4.613,9m², địa chỉ thửa đất: ấp Phú Xuân, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BL 587713, số vào sổ cấp GCN: CH03499 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Huỳnh Minh T ngày 09/01/2014.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tổng cộng 440.000đ (*Bốn trăm bốn mươi ngàn đồng*). Nguyên đơn Ngân hàng Đ đã nộp tạm ứng trước nên buộc bà Lê Kim T, cụ Hồ Thị R, anh Huỳnh Thanh V và anh Huỳnh Thanh S (do bà Lê Kim T là đại diện hợp pháp) có nghĩa vụ nộp để hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Đ số tiền 440.000đ (*Bốn trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Hồ Thị R

Buộc bà Lê Kim T, anh Huỳnh Thanh V và anh Huỳnh Thanh S (do bà Lê Kim T là đại diện hợp pháp) mỗi người có nghĩa vụ nộp 3.752.005đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn không trăm lẻ năm đồng*).

Hoàn trả Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.504.000đ (*Bảy triệu năm trăm lẻ bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0010955 ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An